

GIÁO DỤC TOÀN DIỆN Ở THẾ KỶ 21 ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
Trường Đại học Bạc Liêu

Nhận bài ngày 18/12/2020. Sửa chữa xong 05/01/2021. Duyệt đăng 07/01/2021.

Abstract

Applying whole person education in teaching some Biology-related subjects in Education Faculty, Bac Lieu University, lecturers have effectively and appropriately combined between students-centered approaches, information and communicating technology use and whole-learning assessment. Results illustrate that students' academic results significantly improve. This importantly contributes to enhancing the educational quality of our university.

Keywords: *Whole person education, students-centered approaches, information and communicating technology, whole-learning assessment, educational quality enhancement.*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục, đào tạo là điều kiện tiên quyết góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội và nâng cao chỉ số phát triển con người. Nền giáo dục của thế kỷ 20 đã phổ cập hóa giáo dục phổ thông, xóa nạn mù chữ và đại chúng hóa giáo dục đại học [1]. Trường học truyền thống Việt Nam thường đặt nặng sự quan tâm vào kiến thức truyền đạt, người học là lắng nghe, ghi chép và học thuộc lòng, vai trò của người dạy là chia sẻ, giảng giải và kiểm tra mức độ ghi nhớ của người học về những nội dung đã học.

Thế kỷ 21 có hàng loạt những phát minh quan trọng làm nền tảng cho sự phát triển khoa học công nghệ và con người của thời đại mới, hệ thống giáo dục cần được thay đổi sao cho tối ưu hóa hơn việc đào tạo con người và giải quyết được những điểm bất cập của hệ thống giáo dục truyền thống trước đó. Vì thế, người học cần những người thầy biết tổ chức việc học, dẫn dắt việc tìm kiếm kiến thức. Quan trọng hơn cả là làm sao có thể ứng dụng kiến thức thu thập được trong thực tiễn nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể, đa dạng trong môi trường học cũng như môi trường thực tế.

Vì vậy, nghiên cứu triết lý về giáo dục toàn diện và những yêu cầu, giải pháp của giáo dục toàn diện sẽ góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng dạy học của giảng viên (GV) trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu đảm bảo chất lượng trong các trường đại học.

2. Cơ sở lý luận về giáo dục toàn diện ở thế kỷ 21

2.1. Triết lý về giáo dục toàn diện

Giáo dục toàn diện cũng là nền giáo dục phải tập trung vào 5 mặt giáo dục, đó là giáo dục đạo đức, giáo dục trí tuệ, giáo dục thể chất, giáo dục lao động và giáo dục thẩm mỹ [2]. Luật Giáo dục (2019) đã chỉ rõ mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn

nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế [3].

Tổ chức United Board cho rằng, giáo dục toàn diện là giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người về trí tuệ, tâm hồn và đạo đức. Trong lớp học, giáo dục toàn diện là sự cổ vũ, khuyến khích tư duy phản biện, tư duy phê phán và tạo thách thức cho người học để người học tự vẽ nên kết luận cho riêng mình [4].

2.2. Yêu cầu và giải pháp đối với giáo dục toàn diện ở thế kỷ 21

2.2.1. Một số yêu cầu cần thiết của giáo dục toàn diện

Để thích ứng và phát triển được trong xã hội hiện đại của thế kỷ 21, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục toàn diện đòi hỏi nhà trường và người dạy phải trang bị cho người học 4 nhóm kỹ năng vô cùng cấp thiết và quan trọng: nhóm kỹ năng tư duy (sức sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và khả năng học tập suốt đời), nhóm kỹ năng làm việc (khả năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm), nhóm kỹ năng sử dụng các công cụ làm việc (sự hiểu biết các kiến thức chung về công nghệ thông tin và truyền thông), nhóm kỹ năng sống trong xã hội toàn cầu (các vấn đề về ý thức công dân, cuộc sống và sự nghiệp, trách nhiệm cá nhân và xã hội, hiểu biết tính đa dạng văn hóa) [5], [6].

Thông qua quá trình dạy học, người học ở thế kỷ 21 cần được trang bị những kỹ năng quan trọng trong việc hình thành 3 nội dung lớn, đó là kiến thức nền tảng, năng lực cá nhân và phẩm chất cá nhân [7]. Hơn nữa, để đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu của thời đại mới, ngoài kiến thức chuyên sâu nhà trường cần trang bị cho sinh viên (SV) những kỹ năng thiết yếu và quan trọng để đòi hỏi SV, cũng là người lao động sau khi ra trường phải có tư duy phê phán, có khả năng giải quyết vấn đề, có kỹ năng giao tiếp và cộng tác tốt, có trình độ công nghệ và thông tin phù hợp, linh hoạt và thích nghi với mọi hoàn cảnh, đổi mới và sáng tạo trong công việc, có khả năng toàn cầu hóa và có kiến thức về tài chính.

Vì vậy, lớp học thế kỷ 21 đòi hỏi phải có yêu cầu hay đặc điểm nhận biết cụ thể như người học là trung tâm, đóng vai trò chủ động, tích cực và người dạy chỉ là người hướng dẫn; máy tính là công cụ cần thiết cho cả người học và người dạy; học tập chủ động - tích cực, thích nghi và cộng tác tốt; môi trường dạy - học lôi cuốn, hấp dẫn với những thiết bị hỗ trợ cho quá trình giảng dạy; có sự tôn trọng lẫn nhau giữa người thầy và trò; người học hiểu và thực hiện các quy định, quy trình và đồng thời chịu trách nhiệm cho việc học của chính mình; GV thực hiện đánh giá hiệu suất thường xuyên thông qua hàng loạt các kỹ thuật không bị hạn chế trong khuôn khổ kiểm tra [8].

2.2.2. Những giải pháp quan trọng của giáo dục toàn diện

Khả năng học tập hiệu quả hay không hiệu quả là tùy thuộc vào phương pháp giảng dạy và phương tiện dạy học được sử dụng trong giảng dạy. Người học sẽ học tập hiệu quả ở mức 5% khi chỉ học thông qua bài giảng ở trường đại học hay cao đẳng; 10% khi được học từ văn bản thông qua đọc sách, báo; 20% khi việc học được thông qua những hình ảnh minh họa, ví dụ như các ứng dụng hay video; 30% khi việc học được thông qua hiện vật trưng bày, triển lãm; 50% thông qua thảo luận nhóm; 75% thông qua thực hành, thực tập; 90% khi được áp dụng ngay lập tức những kiến thức được học [9].

Ngoài ra, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đúng đắn, trong đó đánh giá không phải chỉ dựa vào điểm kiểm tra, điểm thi mà là phải đánh giá cả quá trình học tập, bao gồm thực hiện nghiêm nề nếp học đường, khuyến khích phát biểu thảo luận, ý thức thực hiện bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên và thực thi nghiêm túc đã phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học. Hơn nữa, đánh giá cả quá trình học tập của SV cũng đã

hình thành cho SV ý thức tự học, tự nghiên cứu, năng lực, phẩm chất và đạo đức của một công dân tốt [10].

Như vậy, ba giải pháp quan trọng và chủ yếu để đào tạo ra những con người toàn diện của thế kỷ 21 về kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất thích ứng kịp thời với sự phát triển vượt trội của thời đại mới đó là: 1/ Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm; 2/ Sử dụng hiệu quả trang thiết bị dạy học; 3/ Đổi mới phương pháp đánh giá theo hướng đánh giá cả quá trình học tập.

3. Thực tế áp dụng giáo dục toàn diện trong dạy học

Trong thời gian 4 năm học, từ năm học 2016-2017 đến năm học 2019-2020 áp dụng giáo dục toàn diện trong giảng dạy ở 14 học phần cho 402 SV các lớp chuyên ngành đại học và cao đẳng sư phạm, phương thức dạy học được áp dụng cho SV là sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực lấy người học làm trung tâm, kết hợp với sử dụng các trang thiết bị dạy học phù hợp và phương thức đánh giá môn học là đánh giá cả quá trình học tập theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của SV thông qua những tác động cụ thể của GV bộ môn trong suốt quá trình dạy và học.

3.1. Sử dụng phương pháp dạy học tích cực, trang thiết bị dạy học hiện đại và đánh giá cả quá trình học tập

3.1.1. Biên soạn đề cương và bài giảng

Lập kế hoạch môn học là bước quan trọng đầu tiên của GV bộ môn trước khi thực hiện công tác giảng dạy đối với mỗi học phần trong chương trình đào tạo. Đề cương học phần bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định như thông tin GV, mục tiêu môn học, kế hoạch giảng dạy chi tiết, phương thức đánh giá môn học, quy định, yêu cầu cụ thể đối với GV và SV,... chính là kế hoạch môn học. Trong đó, kế hoạch giảng dạy trình bày chi tiết nội dung giảng dạy, chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của bài học, cách thức thực hiện hay phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá kết quả học tập của SV. Ngoài ra, đề cương còn cung cấp cho người học những tài liệu tham khảo quan trọng liên quan trực tiếp đến nội dung học phần.

Bên cạnh đề cương, bài giảng môn học luôn được đầu tư như là tài liệu học tập và tham khảo chính cho SV với những nội dung phù hợp và đặc trưng của từng học phần, trong đó có bổ sung, cập nhật những kiến thức quan trọng, đặc biệt có ứng dụng thực tế đời sống. Danh sách tài liệu tham khảo hay và liên quan nhiều đến môn học cũng được cung cấp trong bài giảng môn học của mỗi học phần. Bài giảng điện tử giảng dạy trên lớp được đầu tư, thiết kế sao cho nội dung thật cô đọng, súc tích, các nội dung khó thường được sơ đồ hóa tối đa giúp SV dễ theo dõi, làm nổi bật các vấn đề trọng tâm, quan trọng, chú trọng đặt vấn đề cần giải quyết, thảo luận thông qua các tình huống thực tế hay câu hỏi nêu vấn đề cụ thể trên các slides để SV tập trung học tập hiệu quả theo yêu cầu của GV.

3.1.2. Thực hiện quá trình giảng dạy trên lớp

Trong quá trình giảng dạy trên lớp, GV sử dụng trang thiết bị của nhà trường để giảng dạy giáo án điện tử, thực dạy đa dạng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học và đánh giá toàn diện kết quả học tập của SV thông qua đánh giá cả quá trình học tập.

Phương tiện dạy học hiện đại được GV sử dụng trong quá trình giảng dạy trên lớp bao gồm những trang thiết bị hiện có của nhà trường như phòng học có trang bị sẵn hệ thống màn hình và âm thanh, thư viện với hệ thống sách và wifi miễn phí truy cập vào thư viện điện tử và những trang web học thuật. Bên cạnh đó, GV còn ưu tiên nghiên cứu, tìm tòi sử dụng những phương tiện trực quan sinh động như mẫu vật thật, một số phần mềm, hình ảnh, phim ngắn nhằm cụ thể hóa những kiến thức trừu tượng của môn học.

GV đã sử dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực phù hợp trong quá trình giảng dạy trên lớp, trong đó phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm được dùng thường xuyên trong mỗi buổi học. Ngoài ra, phương pháp thuyết trình, khảo sát thực địa, tổng quan tài liệu,... còn được áp dụng khi yêu cầu SV thực hiện bài tập nhóm, bài tập cá nhân liên quan đến nội dung thực tế của bài học.

Đối với việc đánh giá kết quả học tập của người học, GV đã kết hợp đánh giá nhiều hoạt động của SV cùng với điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần. Thực tế GV đã đánh giá mức độ tham dự lớp học của SV thông qua điểm chuyên cần; mức độ tham gia thảo luận, phát biểu đóng góp ý kiến xây dựng nội dung bài học thông qua điểm phát biểu, thảo luận; thực hiện bài tập cá nhân và bài tập nhóm bằng điểm các bài tập cá nhân và báo cáo thuyết trình bài tập nhóm. Tổng hợp các điểm thành phần này được gọi là điểm quá trình của người học.

Bài kiểm tra và bài thi kết thúc học phần được tổ hợp nhiều loại hình câu hỏi để tránh tình trạng SV học vẹt, học tủ, mà đòi hỏi SV phải hiểu, tư duy, vận dụng kiến thức đã học cũng như nhằm bao quát cả chương trình học của môn học. Mỗi đề kiểm tra hay đề thi đều có hai mã đề khác nhau, trong đó các câu hỏi được trộn ngẫu nhiên. Nội dung của đề là những kiến thức quan trọng, trọng tâm và bao quát môn học. Hình thức của đề kiểm tra và đề thi giống nhau, được bố cục gồm có bốn phần tương ứng với bốn loại hình câu hỏi khác nhau, đó là “câu hỏi nhiều lựa chọn”, “câu hỏi đúng - sai”, “câu hỏi điền khuyết” và “câu hỏi trả lời ngắn”. Đề kiểm tra hay đề thi theo hình thức này nhằm tác động rèn cho SV kỹ năng trả lời cả dạng câu hỏi trắc nghiệm và tự luận theo ngôn ngữ của bản thân người học.

3.2. Kết quả áp dụng giáo dục toàn diện trong dạy học

Kết quả học tập của SV ở mỗi học phần được đánh giá một cách toàn diện thông qua 3 điểm chính, đó là điểm quá trình, điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần.

3.2.1. Điểm quá trình

Điểm quá trình của SV là điểm trung bình cộng của điểm chuyên cần, phát biểu - thảo luận, bài tập cá nhân và bài tập nhóm. Trong suốt quá trình học tập, SV luôn cố gắng, nỗ lực và chủ động thực hiện tốt việc tham dự lớp học, sinh động phát biểu, thảo luận đóng góp xây dựng nội dung bài học, đầu tư, nghiên cứu làm bài tập riêng của mỗi cá nhân và bài tập nhóm. Kết quả SV có điểm quá trình từ 8,0 trở lên đạt 306/402 (chiếm 76,1%), 95/402 (chiếm 23,7%) đạt điểm từ 6,0 đến 7,9, chỉ có 1 SV có điểm từ 5,0 - 5,9, chiếm 0,2%, không có điểm dưới trung bình. Điều này cho thấy, phần lớn SV đã tích cực, chủ động để đạt được điểm quá trình trong quá trình học tập (100% trên mức điểm trung bình).

3.2.2. Điểm kiểm tra

Kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ của SV cho biết, 21,7% đạt điểm từ 8,0 - 10, trong đó có 3,5% SV đạt từ điểm 9,0 trở lên; 33,1% đạt điểm từ 7,0 - 7,9; 27,1% đạt điểm từ 6,0 - 6,9; 13,7% đạt điểm 5,0 - 5,9; và 4,5% có điểm dưới 5,0. Như vậy, hầu hết SV có điểm kiểm tra giữa môn học trên trung bình, chỉ có một số ít SV có điểm dưới trung bình, trong đó tỷ lệ điểm giỏi (từ 8,0 trở lên) chiếm gần ¼ tổng số SV, phần lớn SV đạt điểm khá và trung bình - khá (60,2%). Điều này chỉ ra, SV đã hiểu, vận dụng kiến thức đã học vào làm bài kiểm tra một cách tương đối hiệu quả.

3.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

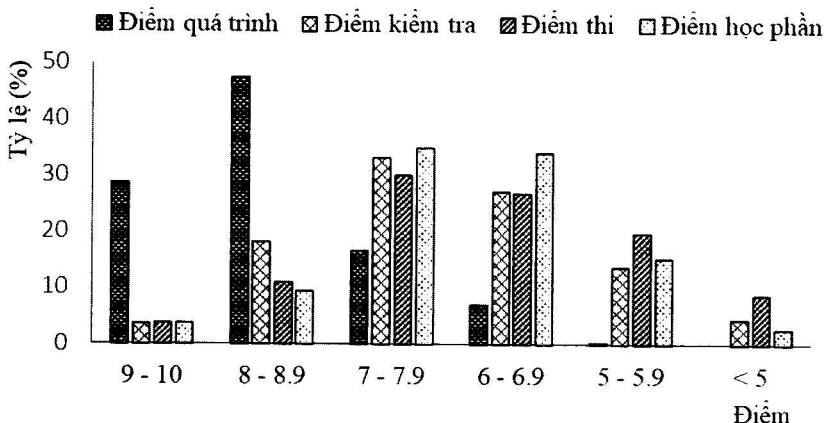
Điểm thi hết môn học của SV thể hiện 14,6% đạt mức điểm 8,0 - 10, trong đó có 3,7% đạt điểm xuất sắc (từ 9,0 đến 10 điểm); 30,1% đạt mức điểm 7,0 - 7,9; 26,9% đạt mức điểm 6,0 - 6,9; 19,7% đạt mức điểm 5,0 - 5,9; và 8,7% đạt mức điểm dưới 5,0. Đề thi kết thúc học phần có nội dung bao quát cả môn học nên số lượng SV có điểm giỏi trở lên tương đối thấp, chỉ có 14,7% và vẫn có người học

có điểm dưới trung bình (8,7%), trong khi phần đông SV (76,6%) đạt điểm từ mức trung bình đến mức khá. Điều này cho thấy trình độ SV có sự phân hóa trong kỳ thi kết thúc học phần.

3.2.4. Điểm học phần

Điểm học phần của SV chiếm tỷ lệ cao nhất về số lượng SV là điểm 7,0 - 7,9 với tỷ lệ 34,8% và mức điểm 6,0 - 6,9 với tỷ lệ 34,1%, ở mức cao thứ nhì (15,2%) là SV có mức điểm từ 5,0 - 5,9. Có khoảng 9,5% SV đạt mức điểm 8,0 - 8,9 và 3,7% SV đạt mức điểm xuất sắc (9,0 - 10 điểm), chỉ có 2,7% mức điểm yếu (dưới điểm 5,0) trên tổng số SV.

Kết quả điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc môn học và điểm học phần của SV có số lượng và tỷ lệ tương tự nhau đều chiếm tỷ lệ cao nhất ở mức điểm từ 6,0 - 7,9 (từ điểm trung bình đến điểm khá), đặc biệt sự giống nhau về tỷ lệ các mức điểm giữa điểm thi và điểm học phần. Mức điểm từ 8,0 - 8,9 của điểm kiểm tra, điểm thi và điểm học phần đạt lần lượt là 18,2%, 10,9% và 9,5%; mức điểm trung bình từ 5,0 - 5,9 của ba loại điểm này chiếm tỷ lệ: 13,7%, 19,7%, 15,2%. Mức điểm trên 9,0 của ba loại điểm gần như tương đương (3,5%, 3,7%, 3,7%), trong khi mức điểm dưới 5,0 của điểm kiểm tra là 4,5%, đối với kiểm thi thì điểm ở mức này tăng lên 4,2% nhưng lại giảm chỉ còn 2,7% ở điểm học phần của SV. Điều này chỉ ra điểm thi của SV ở mức dưới trung bình đã được cải thiện nhờ vào sự đóng góp của điểm quá trình mà SV đã đạt được (xem biểu đồ).



Biểu đồ: Tổng hợp các điểm đánh giá SV

Thật vậy, kết quả điểm quá trình của SV có số lượng và tỷ lệ đạt các mức điểm ngược lại hoàn toàn so với kết quả của điểm kiểm tra, điểm thi và điểm học phần. Biểu đồ cho thấy điểm quá trình của SV tập trung ở mức điểm khá, giỏi trở lên (từ 7,0 - 10 điểm), trong đó cao nhất ở mức 8,0 - 8,9 điểm (47,5%), kế đó là mức xuất sắc (từ điểm 9,0 trở lên) với tỷ lệ 28,6%, mức khá (từ 7,0 - 7,9 điểm) là 16,7%, mức trung bình - khá và trung bình (mức điểm 5,0 - 6,9) là 7,2%. Điều này cho thấy, SV chuyên ngành Sư phạm, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Bạc Liêu đã có biểu hiện nỗ lực, chủ động, tích cực hơn trong học tập để có kết quả cao trong đánh giá điểm quá trình, từ đó góp phần cải thiện kết quả đánh giá chung điểm học phần.

Như vậy, với sự linh hoạt trong quá trình giảng dạy theo phương thức giáo dục toàn diện, GV đã kết hợp hiệu quả việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và trang thiết bị dạy học hiện đại trong quá trình dạy học, đồng thời đổi mới hình thức đánh giá cả quá trình học tập của SV thông qua việc khuyến khích điểm thực hiện chuyên cần, điểm phát biểu thảo luận, điểm bài tập cá nhân và điểm bài tập nhóm, điểm học phần của SV đã có sự cải thiện đáng kể ở mức điểm từ trung bình trở lên, mức điểm yếu giảm rõ rệt.

Xem tiếp trang 23